

BeQ HOLDINGS

CHỈ SỐ BEQ VNX VIETNAM TOP 10 FINANCIAL

Kết nối thị trường, Trao quyền cho tăng trưởng

Tháng tám, 2026



Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Financial

-27%

Hiệu suất cuốn chiếu 12 tháng *

*Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Cùng thời điểm, hiệu suất của chỉ số VNI và S&P500 lần lượt là 9.04% và 18.98

Chuỗi chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX

Thiết kế

Chỉ số này được thiết kế theo các tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ UCITS, phù hợp để hỗ trợ các quỹ, ETF, phái sinh và các sản phẩm cấu trúc.

Benchmark (Chỉ số tham chiếu)

Chỉ số Financial BeQ Việt Nam VNX bao phủ tất cả các cổ phiếu Việt Nam đủ điều kiện theo Tiêu chuẩn Phân loại Ngành Toàn cầu (GICS). Chỉ số được tính trọng số theo toàn bộ vốn hóa thị trường, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

Tradable (Chỉ số giao dịch)

Chỉ số Top 10 của BeQ Việt Nam VNX Financials chọn ra 10 thành phần hàng đầu 'tốt nhất' của chỉ số BeQ Vietnam VNX Financials về tính thanh khoản và vốn hóa điều chỉnh trên tự do floating. Chỉ số này được trọng số theo vốn hóa thị trường tự do, bắt đầu từ 1.000 vào ngày cơ sở 31 tháng 12 năm 2008.

Variants (Các biến thể)

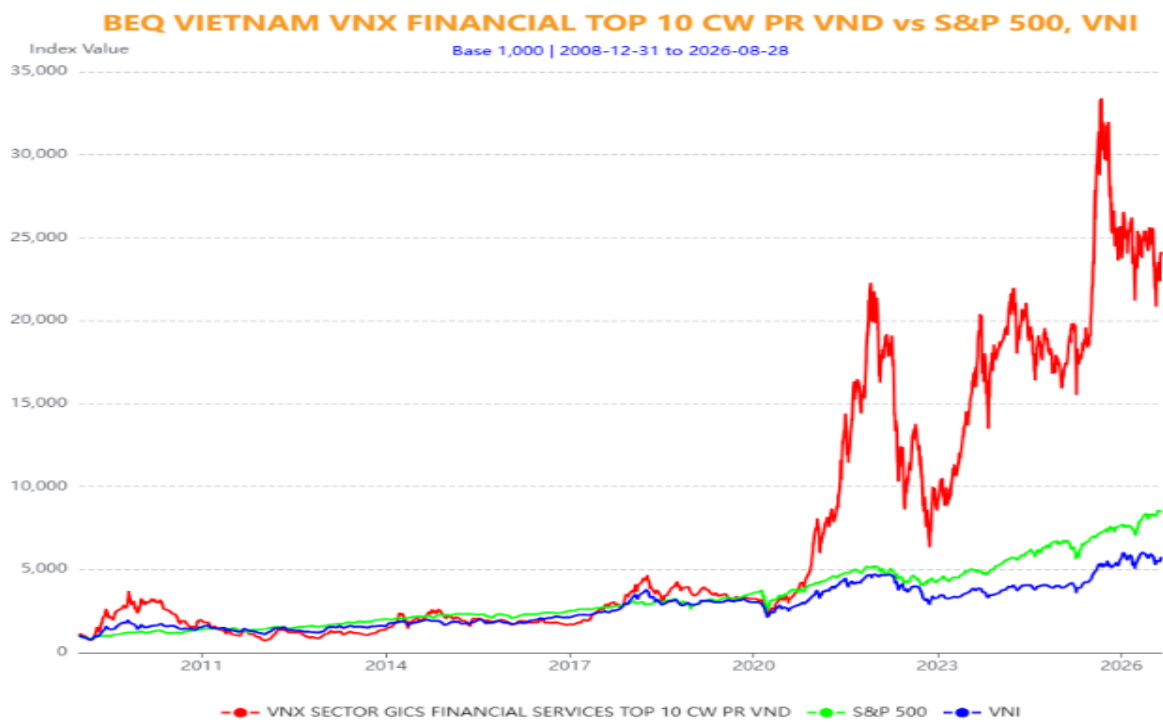
Các Chỉ số Financial Chính BeQ Việt Nam VNX được tính theo định dạng Lợi nhuận Giá (PR), với các phiên bản Tổng lợi nhuận (TR) và Lợi nhuận ròng (NR) cũng có sẵn. Đồng tiền chỉ số tiêu chuẩn là VND, trong khi các phiên bản tiền tệ bổ sung – như AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC – được cung cấp cho nhà đầu tư nước ngoài để phản ánh hiệu quả thực tế của họ.

Thành phần

Top 5 thành phần của BeQ Vietnam VNX Financials Top 10

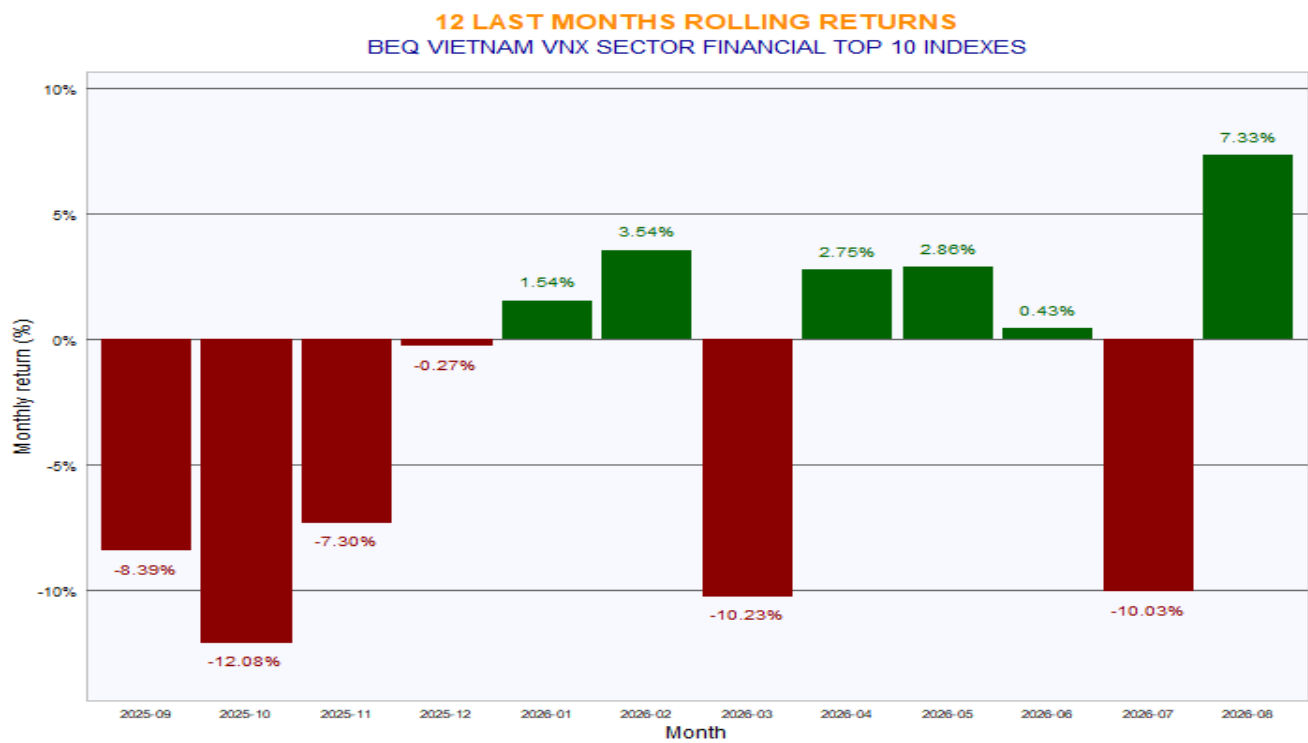
Thứ tự	Tên	Mã	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	Tỷ trọng
1			Tài chính	HSX	15.37%
2			Tài chính	HSX	15.16%
3			Tài chính	HSX	14.13%
4			Tài chính	HSX	13.38%
5			Tài chính	HSX	13.15%

Hiệu suất hiện tại



Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Hiệu suất 12 tháng



Cập nhật: 31 tháng 8, 2026

Bảng thông tin: Chỉ số BeQ Vietnam VNX Top 10 Financial

Yếu tố	Description
Tên	BeQ Việt Nam VNX Chỉ số Top 10 Financial
Mã	INDGI2FFS10[CW][PR][VND]
Nhóm	FINANCIAL
Mô tả ngắn	Chỉ số Top 10 của BeQ Việt Nam VNX Financials chọn ra 10 thành phần hàng đầu 'tốt nhất' của chỉ số BeQ Vietnam VNX Financials về tính thanh khoản và vốn hóa điều chỉnh trên tự do floating.
Tiêu chí lựa chọn	Top 10, Tốt nhất về thanh khoản (doanh thu), và vốn hóa (điều chỉnh theo tự do lưu hành)
Chu kỳ xem xét	Hàng quý tiếp theo chu kỳ tháng 3/6/9/12
Ngày rà soát	Ngày có hiệu lực là ngày giao dịch tiếp theo của ngày xem xét Ngày thông báo 1 tuần trước ngày có hiệu lực Ngày cắt kết thúc ngày cuối tháng trước đó
Phương pháp tính trọng số	Vốn hóa tự do lưu hành đã điều chỉnh theo tự do lưu hành, và giới hạn ở mức 15% (CW) Các trọng số khác có sẵn: Cân bằng trọng số (EW)
Phiên bản chỉ số	PR (Giá cả), NR (Lợi nhuận ròng), TR (Tổng lợi nhuận)
Loại tiền tệ	VND và có sẵn bằng AUD, CAD, CNY, EUR, GBP, HKD, JPY, KRW, SGD, USD và USDC
Tần suất tính toán	Cuối ngày
Tổng số lượng chỉ số	48
Ngày cơ sở	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Giá trị cơ sở	1,000
Ngày ra mắt	Ngày 22 tháng 3 năm 2023
Mức cao lịch sử	33401.08
Mức thấp lịch sử	679.2213
Trang web	www.ccpi.vn dashboardlite.ccpi.vn